

# MARKET LENS

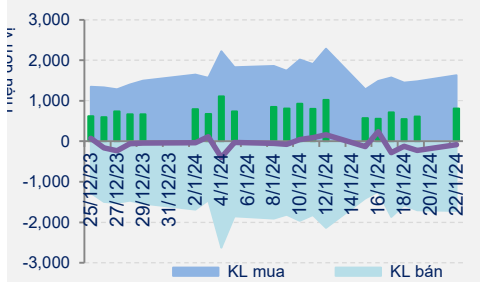
22/1/2024

## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

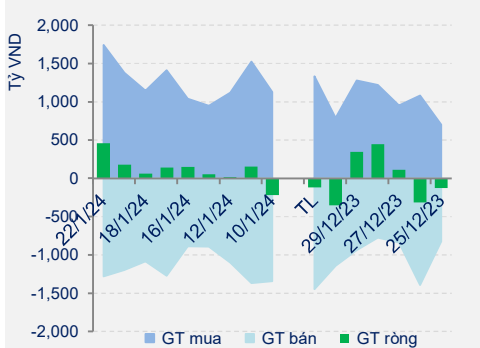
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,182.86	229.77
% Thay đổi	↑ 0.12%	↑ 0.13%
KLGD (CP)	813,965,594	65,827,120
GTGD (tỷ đồng)	18,685.23	1,241.53
Tổng cung (CP)	1,716,305,266	128,672,000
Tổng cầu (CP)	1,632,651,193	109,311,500

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	42,191,682	1,115,057
KL mua (CP)	63,544,786	508,585
GT mua (tỷ đồng)	1,740.24	15.31
GT bán (tỷ đồng)	1,280.48	22.88
GT ròng (tỷ đồng)	459.76	(7.57)

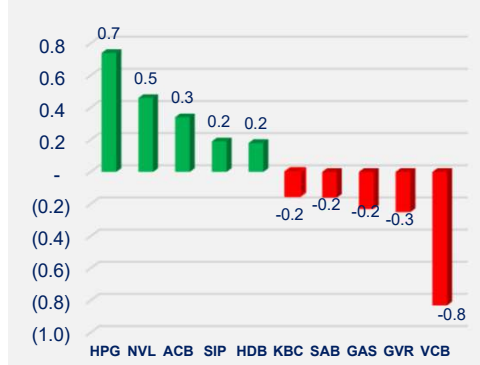
### Tương quan cung cầu



### Giá trị Giao dịch NĐTNN



### Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau tuần tăng điểm tích cực, VN-INDEX tiếp tục duy trì tâm lý lạc quan, đầu phiên tiếp tục tăng điểm lên vùng 1.190 điểm, áp lực rung lắc điều chỉnh trong phiên về quanh vùng 1.180 điểm. Kết phiên VN-INDEX tăng 1.36 điểm (+0,12%) lên mức 1.182,86 điểm dưới ảnh hưởng tích cực của VN30. HNX-INDEX tăng 0,29 điểm (+0,13%) lên mức 229,77 điểm. Độ rộng trên 02 sàn niêm yết nghiêng về tích cực với 323 mã tăng giá (14 mã tăng trần), 306 mã giảm giá (06 mã giảm sàn) và 187 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 19.736,3 tỉ đồng được giao dịch với khối lượng giao dịch HOSE tăng 22,20% so với phiên trước, gia tăng trở lại trên mức trung bình. Thể hiện dòng tiền đang có tín hiệu cải thiện trở lại, lan tỏa tốt hơn sang các mã, nhóm mã khác sau khi chỉ tập trung chủ yếu ở nhóm ngân hàng trong những tuần trước. Khối ngoại gia tăng giao dịch và duy trì mua ròng trên HOSE với giá trị 469,61 tỉ đồng, tập trung mua ròng ở nhóm bán lẻ, thép, ngân hàng; bán ròng trên HNX với giá trị 7,57 tỉ đồng.

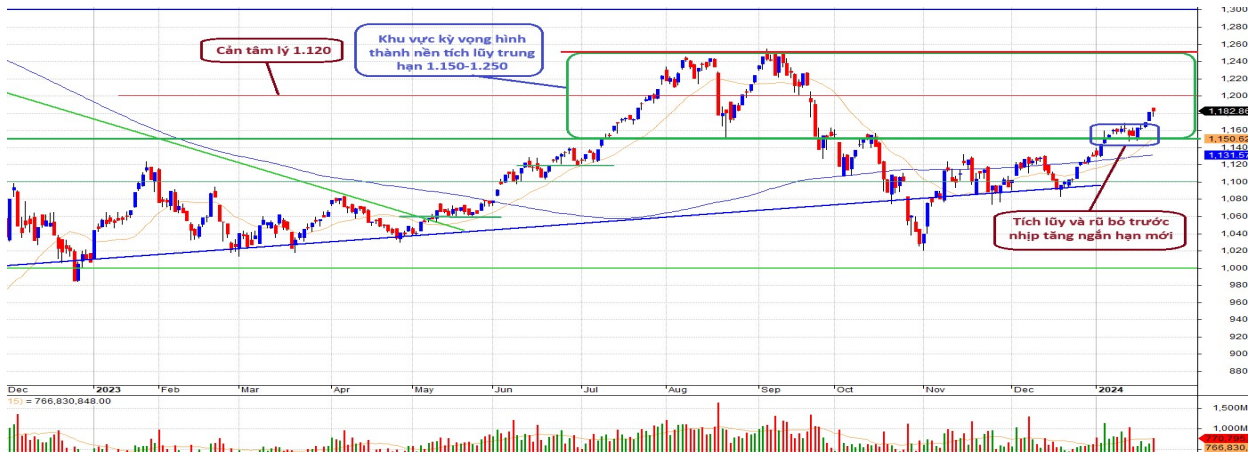
Bộ Tài chính vừa có Công văn đôn đốc các bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2024, triển khai nghiêm túc, quyết liệt các giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công theo các quy định của Chính phủ. Nhóm cổ phiếu ngân hàng sau giai đoạn tăng điểm mạnh đang chịu áp lực điều chỉnh ngắn hạn trong phiên và kết phiên phân hóa, đa số biên động trong biên độ hẹp, thanh khoản giảm như ACB (+1,35%), HDB (+1,19%), SSB (+0,65%)... LPB (-0,86%), VCB (-0,65%), STB (-0,17%)...

Các cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán cũng có diễn biến khá tương tự, tuy nhiên kết phiên đa số tăng điểm tích cực hơn với thanh khoản cải thiện tốt khi khối lượng giao dịch của thị trường tăng trở lại với TVB (+6,97%), MBS (+2,99%), DSC (+2,93%), BSI (+2,15%)...ngoài các mã điều chỉnh như IVS (-1,94%), BMS (-1,89%)...Trong khi đó nhóm cổ phiếu thép có diễn biến khá nổi bật, hầu hết tăng giá tốt, thanh khoản gia tăng mạnh khi cổ phiếu đầu ngành HPG (+1,80%) công bố kết quả kinh doanh Quý IV/2023 phục hồi tăng trưởng tốt so với cùng kỳ, POM (+6,32%), SMC (+4,67%), VGS (+2,69%)....

Nhóm cổ phiếu bất động sản cũng có diễn biến nổi bật, tăng giá tốt, thanh khoản gia tăng mạnh khi nhiều mã bắt đầu có thông tin tích cực về kết quả kinh doanh Quý IV/2023 như NVL (+5,49%), NDN (+4,81%), HDG (+2,73%)...ngoài các mã chịu áp lực điều chỉnh như FIR (-6,76%), TCH (-1,15%), NTL (-0,57%).... Ngoài ra trong các nhóm ngành như hóa chất, khu công nghiệp, nhựa, phân bón... vẫn có nhiều mã tăng giá tích cực, đột biến như CSV (+6,96%), SIP (+6,15%), BMP (+4,91%), BFC (+1,92%)....

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2402 tăng 4 điểm (+0,34%) chênh lệch duy trì dương 4,44 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch giảm 9,97% so với phiên trước, dưới mức trung bình. VN30F2402 duy trì xu hướng tăng trưởng ngắn hạn 1.175 điểm - 1.180 điểm, vùng kháng cự tâm lý 1.200 điểm. Các kỳ hạn VN30F2403, VN30F2406, VN30F2409 chênh lệch từ 5,44 điểm đến 0,84 điểm so với VN30. Cả 04 kỳ hạn đều chênh lệch dương, thể hiện các trader vẫn rất lạc quan về xu hướng tăng của VN30, ưu tiên vị thế mua ngắn hạn, phòng ngừa rủi ro giảm điểm ở kỳ hạn lớn khi ngắn hạn VN30 đang trong vào vùng quá mua.

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Nhịp tăng điểm ngắn hạn của thị trường trong kênh tích lũy biên độ rộng vẫn đang diễn ra đúng như chúng tôi thường xuyên dự báo và đề cập, Thị trường tăng điểm nhẹ phiên đầu tuần, chốt phiên Vn-Index tăng 1,36 điểm (+0,12%) và đóng cửa ở 1.182,86 điểm. Vn-Index nhiều khả năng sẽ sớm tiếp cận đường kháng cự tâm lý 1.200 điểm và nếu tích cực hơn là ngưỡng cản trên của kênh tích lũy trung hạn quanh 1.250 điểm.

Xu hướng trung hạn của thị trường vẫn duy trì trong khu vực kỳ vọng cân bằng để tích lũy lại với biên độ dao động kỳ vọng chặt chẽ dần, kỳ vọng trong biên độ 1.150 điểm - 1.250 điểm.

Xu hướng ngắn hạn của thị trường vẫn tích cực, tuy nhiên VnIndex sẽ sớm tiệm cận cản tâm lý 1.200 điểm nên nhà đầu tư ngắn hạn tránh mua đuổi trong các phiên tới. Nhà đầu tư trung, dài hạn hoàn toàn có thể giải ngân vào những mã đầu ngành, kỳ vọng kết quả tích cực trong năm nay nhưng với quan điểm mua tích lũy dần vì thời điểm hình thành uptrend mới sẽ còn khá dài.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp !



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 22/1/2024

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
DPM	32.85	31-33	38-39	29	8.2	-17.2%	-93.6%	Theo dõi giải ngân
DRC	27.80	25-26.3	29.5-30.5	23	14.1	-17.0%	-1.8%	Theo dõi giải ngân

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
1/11/2023	BVS	25.80	22.3	28-28.5	25	15.7%	Nắm giữ
8/11/2023	PHR	48.85	45.1	52-53	48	8.3%	Nắm giữ
20/12/2023	PVD	27.25	27.55	30-31	26.5	-1.1%	Nắm giữ
27/12/2023	TNH	19.75	18.09	23-24	19	9.2%	Nắm giữ



## TIN VĨ MÔ

### **Đề xuất tăng mức tiền trợ cấp cho đối tượng bảo trợ xã hội từ 1/7/2024**

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã xây dựng phương án nhằm bố trí nguồn lực để tăng mức trợ cấp cho đối tượng bảo trợ xã hội, và phù hợp với điều kiện của ngân sách Nhà nước khi cải cách tiền lương... Hướng sửa đổi là sẽ nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội, mở rộng đối tượng trợ giúp xã hội phù hợp với tình hình thực tiễn, dự kiến áp dụng từ ngày 1/7/2024. Theo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, trong năm vừa qua, các chính sách trợ giúp xã hội đã được thực hiện bảo đảm đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng.

### **Lo cước vận tải biển tăng vọt, Bộ Giao thông vận tải tìm cách hỗ trợ doanh nghiệp xuất nhập khẩu**

Bộ Giao thông vận tải vừa có công văn gửi Cục Hàng hải Việt Nam về việc hỗ trợ doanh nghiệp trước tình trạng giá dịch vụ vận chuyển hàng hóa container đi Châu Âu, Châu Mỹ tăng cao. Bộ Giao thông vận tải đề nghị Cục Hàng hải khẩn trương làm việc với hãng tàu có tuyến vận tải đi Châu Mỹ, Châu Âu để kêu gọi các hãng tàu duy trì tuyến, bổ sung chỗ, vỏ container về Việt Nam, tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu... Cùng với đó, đẩy nhanh thủ tục ra, vào cảng và việc xếp, dỡ hàng hóa đối với tàu thuyền vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu, đặc biệt là hàng container đi Châu Mỹ, Châu Âu.

### **Ngân hàng phải công khai cổ đông nắm từ 1% vốn điều lệ**

Từ 1/7, ngân hàng phải công bố thông tin những cổ đông nắm từ 1% vốn cùng người có liên quan. Nội dung này trong Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi) được Quốc hội thông qua hôm 18/1. Theo đó, kể từ 1/7/2024 khi luật này có hiệu lực, các ngân hàng phải tuân thủ nhiều quy định khắt khe hơn về tỷ lệ sở hữu của cổ đông cũng như việc minh bạch thông tin. Những quy định mới - giảm tỷ lệ sở hữu của nhóm cổ đông hoặc minh bạch thông tin với cổ đông nắm từ 1% vốn - nhằm hạn chế tình trạng doanh nghiệp sân sau chi phối hoạt động của ngân hàng.

### **Bộ Tài chính đơn đốc giải ngân nhanh vốn đầu tư công năm 2024**

Bộ Tài chính vừa có Công văn số 405/BTC-ĐT đơn đốc các bộ, ngành, địa phương phân bổ, nhập dự toán trên Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (TABMIS) và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2024. Theo đó, Bộ Tài chính đơn đốc các bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2024, triển khai nghiêm túc, quyết liệt các giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công theo các quy định của Chính phủ.

**TIN DOANH NGHIỆP****Hoà Phát lãi gần 3.000 tỷ quý cuối năm 2023**

Tính chung cả năm 2023, Hoà Phát vẫn ghi nhận lợi nhuận sau thuế giảm 19% so với năm 2022 và song chỉ hoàn thành 85% kế hoạch năm. Quý IV/2023, Tập đoàn Hoà Phát (Mã: HPG) đạt kết quả kinh doanh tốt nhất cả năm. Cụ thể, doanh thu của tập đoàn ghi nhận 34.925 tỷ đồng, tăng 33% so với cùng kỳ năm 2023. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận 2.969 tỷ đồng, tăng 249% so với cùng kỳ 2022 và tăng 48 % so với quý trước. Lũy kế cả năm 2023, Hòa Phát đạt 120.355 tỷ đồng doanh thu, giảm 16% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế là 6.800 tỷ đồng, giảm 19% so với năm 2022 và hoàn thành 85% kế hoạch năm.

**Eximbank: Lợi nhuận quý IV cao nhất trong hơn 10 năm**

Eximbank vừa công bố lợi nhuận trước thuế cả năm 2023 đạt 2.720 tỷ đồng, giảm 26,7% so với năm ngoái, không hoàn thành kế hoạch đã đề ra. Tuy nhiên, nếu xét riêng quý IV, lợi nhuận ngân hàng đã vượt qua mốc 1.000 tỷ đồng, lần đầu tiên kể từ năm 2011. Dư nợ cấp tín dụng ở mức 140.524 tỷ đồng, tăng 7,6%, thuộc top dưới trong ngành ngân hàng. Đồng thời, Eximbank cũng chưa hoàn thành chỉ tiêu này trong năm 2023. Trong khi đó, tỷ lệ nợ xấu của ngân hàng vọt lên mức 2,7%, cao hơn đáng kể so với kết quả 1,8% ghi nhận vào cuối năm ngoái.

**Lợi nhuận năm 2023 của PNJ cao kỷ lục**

Năm 2023 dù không hoàn thành mục tiêu doanh thu song PNJ đã vượt gần 2% kế hoạch lợi nhuận sau thuế cả năm. Theo công bố của CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (Mã: PNJ), quý IV/2023, PNJ ghi nhận doanh thu thuần đạt 9.760 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 631 tỷ đồng; tăng lần lượt 18% và 34% so với cùng kỳ năm 2022. Lũy kế cả năm, doanh thu thuần đạt 33.137 tỷ đồng, giảm 2% và lợi nhuận sau thuế đạt 1.971 tỷ đồng, tăng gần 9% so với 2022 nhờ chiếm lĩnh thêm thị phần, gia tăng khách hàng mới, mở rộng mạng lưới và tung thêm sản phẩm. Đây cũng là mức lợi nhuận năm cao kỷ lục của PNJ.

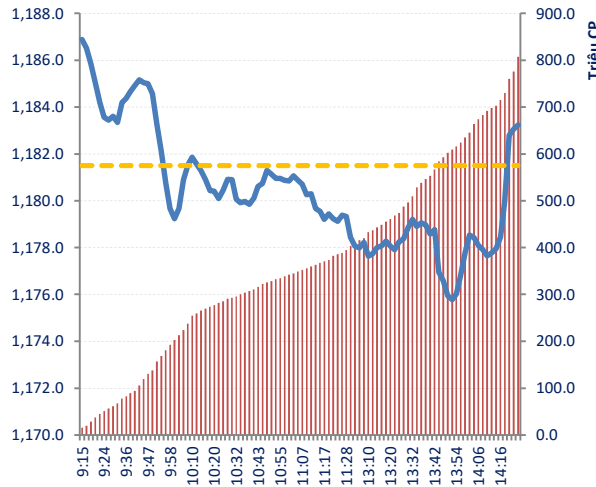
**Chứng khoán VPS lãi gấp 2.5 lần trong quý 4/2023, dư nợ margin gần gấp đôi đầu năm**

CTCP Chứng khoán VPS (VPS) công bố lãi sau thuế quý 4/2023 gấp 2.5 lần cùng kỳ, đạt 190 tỷ đồng. Dư nợ cho vay margin gần gấp đôi đầu năm 2023. BCTC riêng quý 4/2023 của VPS ghi nhận doanh thu hoạt động đạt 1,589 tỷ đồng, tăng 13% so với cùng kỳ. Nguồn thu lớn nhất là hoạt động môi giới, đóng góp phần lớn vào sự tăng trưởng, ghi nhận 808 tỷ đồng, tăng 47%. Trừ chi phí môi giới 677 tỷ đồng, hoạt động này mang về 131 tỷ đồng tiền lãi. Lãi cho vay và phải thu trong quý 4 tăng 32%, đạt 336 tỷ đồng. Ngược chiều các mảng hoạt động trên, lãi từ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) ở mức 308 tỷ đồng trong quý 4/2023, giảm 40%.

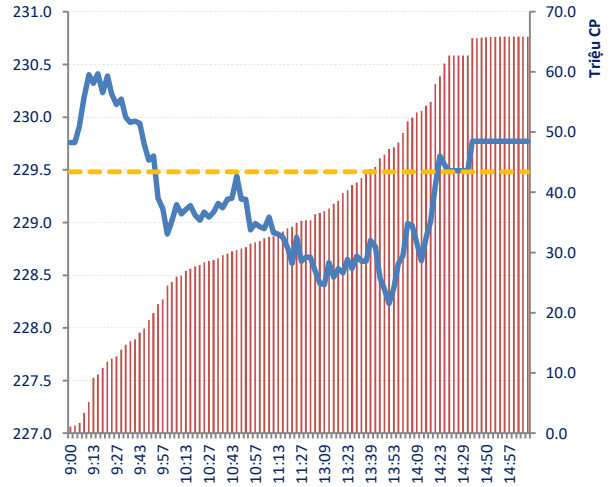


### THỐNG KÊ GIAO DỊCH

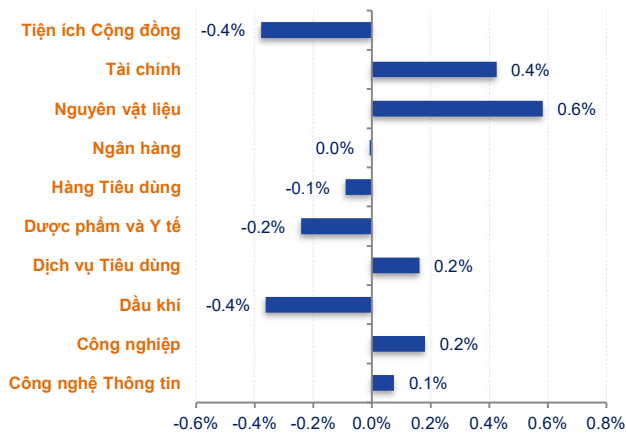
#### KLGD và VN-Index trong phiên



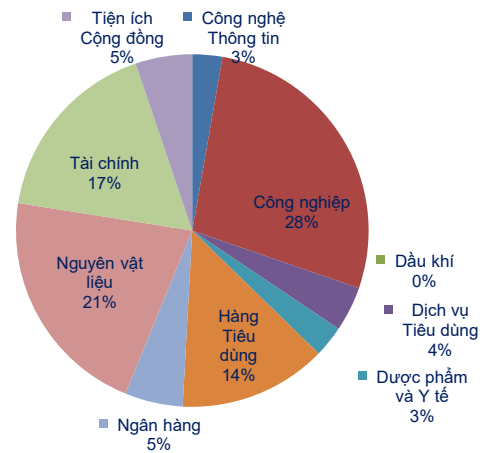
#### KLGD và HNX-Index trong phiên



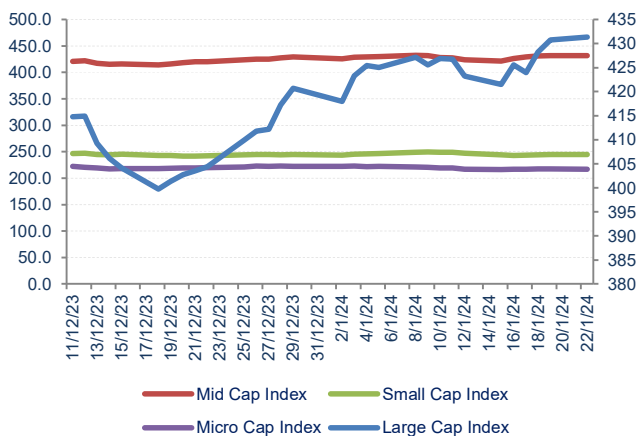
#### Biến động giá phân theo nhóm Ngành



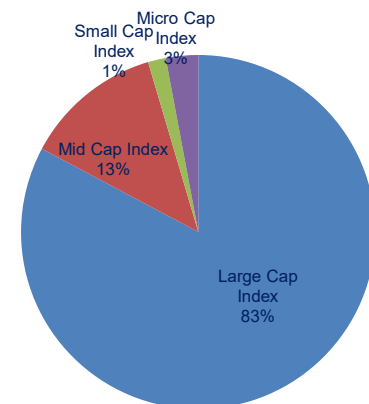
#### Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



#### Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



#### Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



#### Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PC1	5,047,220	SSI	2,070,669	1	IDC	278,300	PVS	907,500
2	EIB	2,542,700	VHM	712,990	2	MBG	72,800	CEO	132,600
3	VCG	2,481,300	VIX	609,027	3	LAS	25,600	TIG	99,988
4	STB	2,114,100	VND	567,362	4	DL1	13,700	SHS	98,732
5	CTG	2,052,049	DPM	363,400	5	TVC	12,400	SD6	68,000

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VIX	17.45	17.35	↓ -0.57%	26,835,493	SHS	18.60	18.40	↓ -1.08%	12,750,062
SHB	12.05	12.15	↑ 0.83%	23,870,883	CEO	22.00	21.80	↓ -0.91%	5,681,085
VPB	19.50	19.70	↑ 1.03%	23,443,259	MBS	23.60	23.40	↓ -0.85%	4,175,529
EIB	19.40	19.85	↑ 2.32%	22,586,896	PVS	37.10	36.90	↓ -0.54%	4,051,035
SSI	33.80	33.70	↓ -0.30%	22,395,072	HUT	19.70	19.60	↓ -0.51%	3,385,386

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
QNP	22.90	24.50	1.60	↑ 6.99%	VNC	45.00	49.50	4.50	↑ 10.00%
MCP	37.50	40.10	2.60	↑ 6.93%	TVC	6.00	6.60	0.60	↑ 10.00%
TVB	5.77	6.17	0.40	↑ 6.93%	HGM	40.00	44.00	4.00	↑ 10.00%
HBC	8.68	9.28	0.60	↑ 6.91%	BED	30.00	33.00	3.00	↑ 10.00%
LEC	5.80	6.20	0.40	↑ 6.90%	NET	67.10	73.80	6.70	↑ 9.99%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PPC	15.55	13.75	-1.80	↓ -11.58%	HHC	112.50	101.30	-11.20	↓ -9.96%
PMG	9.11	8.48	-0.63	↓ -6.92%	QHD	33.50	30.20	-3.30	↓ -9.85%
HNA	23.95	22.30	-1.65	↓ -6.89%	TTT	36.90	33.30	-3.60	↓ -9.76%
FDC	17.50	16.30	-1.20	↓ -6.86%	SJ1	12.40	11.20	-1.20	↓ -9.68%
FIR	11.90	11.10	-0.80	↓ -6.72%	VTH	9.60	8.70	-0.90	↓ -9.38%

(\*) Giá điều chỉnh



## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	26,835,493	8.2%	1,005	17.3	1.3
SHB	23,870,883	15.9%	2,036	6.0	0.9
VPB	23,443,259	9.7%	1,465	13.4	1.2
EIB	22,586,896	8.3%	1,013	19.6	1.4
SSI	22,395,072	8.9%	1,346	25.0	2.2

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	12,750,062	5.4%	643	28.6	1.5
CEO	5,681,085	6.7%	955	22.8	1.8
MBS	4,175,529	12.3%	1,334	17.5	2.0
PVS	4,051,035	6.7%	1,846	20.0	1.3
HUT	3,385,386	0.8%	122	161.0	1.6

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
QNP	↑ 7.0%	14.0%	2,779	8.8	1.2
MCP	↑ 6.9%	8.8%	1,392	28.8	2.4
TVB	↑ 6.9%	1.1%	105	58.5	0.7
HBC	↑ 6.9%	-146.3%	(7,611)	-	7.2
LEC	↑ 6.9%	-5.5%	(881)	-	0.4

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VNC	↑ 10.0%	13.0%	3,503	14.1	1.8
TVC	↑ 10.0%	6.3%	1,021	6.5	0.4
HGM	↑ 10.0%	28.8%	4,577	9.6	2.7
BED	↑ 10.0%	19.8%	2,712	12.2	2.3
NET	↑ 10.0%	46.4%	7,966	9.3	3.8

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PC1	5,047,220	3.6%	814	33.0	1.0
EIB	2,542,700	8.3%	1,013	19.6	1.4
VCG	2,481,300	2.8%	516	47.9	1.3
STB	2,114,100	17.5%	3,825	7.9	1.3
CTG	2,052,049	15.7%	3,377	9.7	1.3

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	278,300	17.0%	3,177	16.1	3.0
MBG	72,800	2.6%	283	17.7	0.5
LAS	25,600	10.7%	1,316	11.5	1.2
DL1	13,700	3.9%	501	9.0	0.3
TVC	12,400	6.3%	1,021	6.5	0.4

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	517,550	22.6%	6,013	15.4	3.3
BID	284,167	17.6%	3,450	14.5	2.1
VHM	187,456	25.0%	9,468	4.5	1.0
GAS	176,160	19.0%	5,283	14.5	2.3
CTG	175,062	15.7%	3,377	9.7	1.3

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	17,637	6.7%	1,846	20.0	1.3
HUT	17,493	0.8%	122	161.0	1.6
IDC	16,896	17.0%	3,177	16.1	3.0
SHS	14,962	5.4%	643	28.6	1.5
THD	13,667	2.9%	460	77.2	2.2

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
NHA	2.58	0.2%	24	679.1	1.6
DC4	2.54	0.2%	26	430.4	1.0
VPG	2.52	-0.5%	(97)	-	1.0
DRH	2.48	0.0%	1	8,013.6	0.4
QCG	2.44	-0.2%	(32)	-	0.6

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

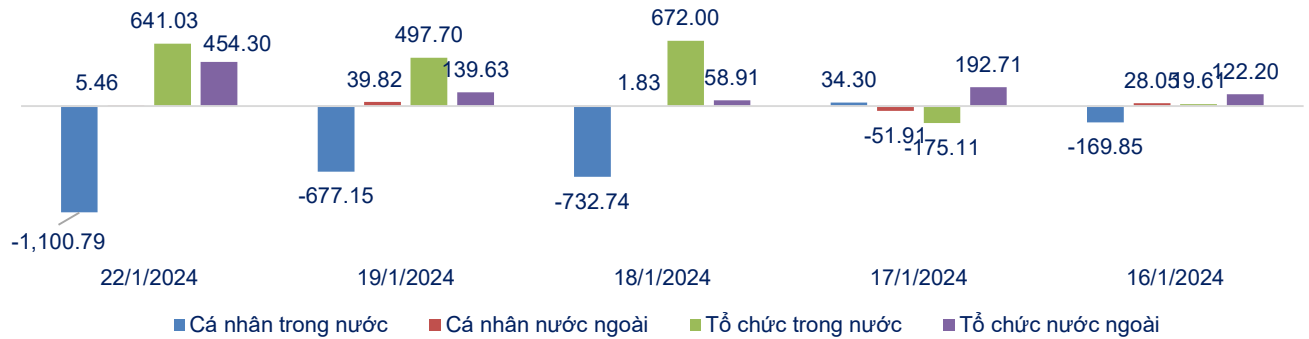
Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VGS	2.60	5.3%	939	23.7	1.2
VIG	2.34	9.6%	685	11.4	1.0
EVS	2.34	1.9%	228	36.3	0.7
VC2	2.33	2.2%	280	36.1	0.7
LIG	2.33	0.5%	70	60.1	0.3





## THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



## Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	58.57	8.9%	1,346	25.0	2.2
VND	33.68	7.8%	957	22.7	1.7
VHM	20.32	25.0%	9,468	4.5	1.0
DGC	19.97	29.7%	9,010	10.2	2.8
MSN	16.78	2.2%	572	118.5	2.5

## Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PC1	-430.10	3.6%	814	33.0	1.0
HPG	-126.78	1.9%	322	86.4	1.6
NVL	-124.88	-1.4%	(309)	-	0.7
STB	-79.96	17.5%	3,825	7.9	1.3
VCG	-73.51	2.8%	516	47.9	1.3

## Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	3.61	17.5%	3,825	7.9	1.3
TPB	2.89	17.0%	2,483	7.5	1.3
TTF	2.21	-11.0%	(110)	-	4.9
LPB	2.04	14.3%	1,661	10.5	1.4
NKG	1.68	-4.8%	(975)	-	1.2

## Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	-4.05	8.9%	1,346	25.0	2.2
VND	-3.35	7.8%	957	22.7	1.7
DHA	-1.91	22.3%	6,515	7.9	1.8
AST	-1.57	20.5%	2,316	24.6	4.6
VNM	-1.16	24.4%	4,029	16.9	4.2

## Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PC1	303.77	3.6%	814	33.0	1.0
NVL	100.64	-1.4%	(309)	-	0.7
HPG	82.19	1.9%	322	86.4	1.6
VRE	51.88	11.8%	1,818	13.1	1.5
VPB	46.84	9.7%	1,465	13.4	1.2

## Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	-57.02	15.7%	3,377	9.7	1.3
EIB	-53.89	8.3%	1,013	19.6	1.4
VND	-21.26	7.8%	957	22.7	1.7
HSG	-19.45	0.3%	49	461.9	1.3
NT2	-12.85	9.2%	1,439	17.9	1.8

## Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PC1	125.74	3.6%	814	33.0	1.0
CTG	66.84	15.7%	3,377	9.7	1.3
VCG	61.90	2.8%	516	47.9	1.3
STB	60.38	17.5%	3,825	7.9	1.3
EIB	51.62	8.3%	1,013	19.6	1.4

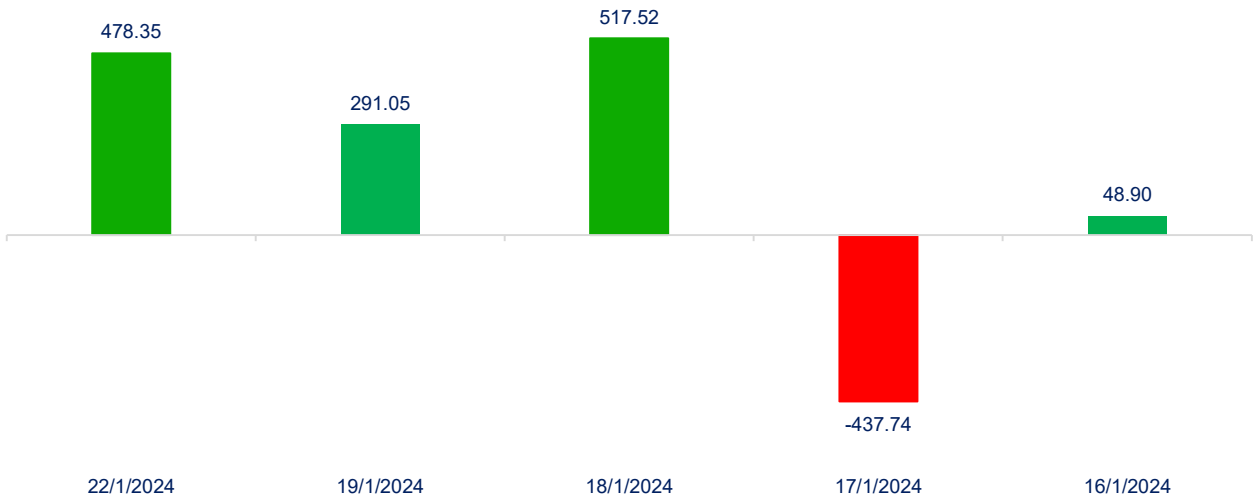
## Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	-65.44	8.9%	1,346	25.0	2.2
VHM	-30.69	25.0%	9,468	4.5	1.0
MSN	-24.88	2.2%	572	118.5	2.5
DGC	-19.12	29.7%	9,010	10.2	2.8
VNM	-14.50	24.4%	4,029	16.9	4.2

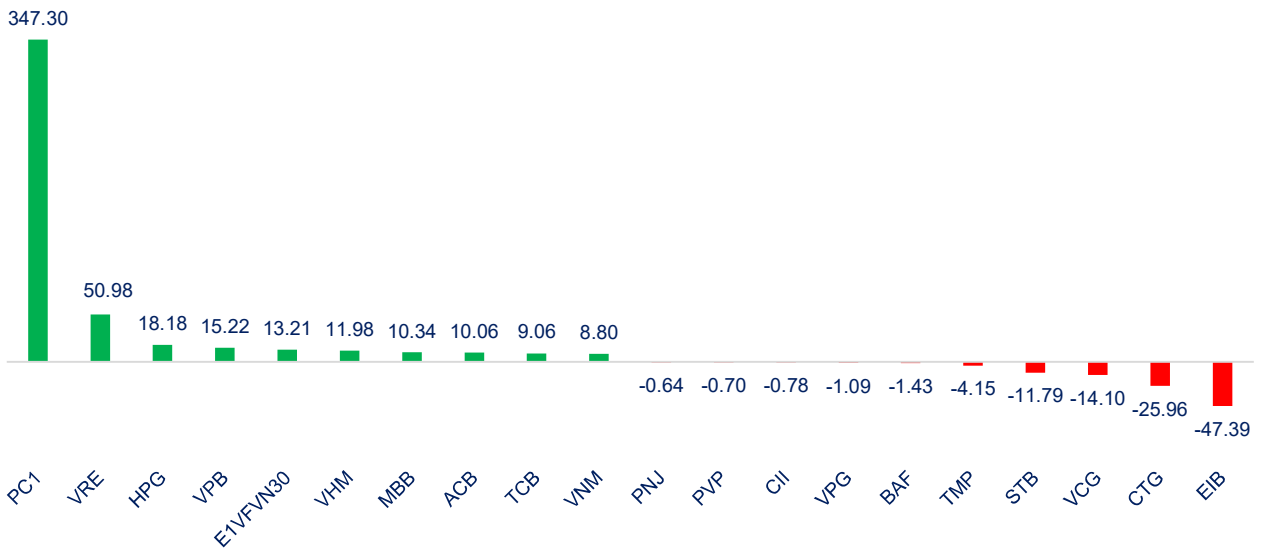


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên**  
[kien.bm@shs.com.vn](mailto:kien.bm@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda*

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### **Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

#### **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn  
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,  
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP  
HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)

---